TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 92/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12-6-2024
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ni

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tịnh

Ông Nguyễn Minh Hoàng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phú Thanh Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa***: Ông Lê Quốc huy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024, về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã LĐ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Chị U có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 07 tháng 4 năm 2024.

- *Bị đơn:* Anh Lê Thanh S, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã LĐ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/02/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị U trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị U và anh Lê Thanh S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã LĐ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và được Uỷ ban nhân dân xã LĐ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/9/2008. Trong thời gian đầu chung sống thì hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã ly thân từ tháng 11 năm 2023. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị U yêu cầu ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị U xác định chị và anh S có 03 con chung tên Lê Thảo Ni, sinh ngày 16/5/2009; Lê Thanh Nguyễn, sinh ngày 26/7/2011 và Lê Thế Nguyễn, sinh ngày 30/4/2018; các con hiện do chị U nuôi dưỡng, chị U yêu cầu tiếp tục nuôi 03 con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị U xác định chị và anh S không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Thanh S: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, cũng như triệu tập anh S tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh S vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, còn bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị U đối với anh Lê Thanh S. Về con chung: Giao cháu Lê Thảo Ni, sinh ngày 16/5/2009; Lê Thanh Nguyễn, sinh ngày 26/7/2011 và Lê Thế Nguyễn, sinh ngày 30/4/2018 cho chị Nguyễn Thị U tiếp tục nuôi dưỡng, chị U không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết; anh Lê Thanh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị U phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị U yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh S, anh S cư trú tại ấp Thạnh 1, xã LĐ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị U có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Thanh S đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị U và anh S theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị U yêu cầu ly hôn anh S, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Thị U và anh Lê Thanh S tự nguyện chung sống với nhau năm 2008, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã LĐ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và được Uỷ ban nhân dân xã LĐ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/9/2008 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, thường xuyên cải vã nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 11 năm 2023. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị U yêu cầu ly hôn với anh S.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh S tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên toà nhưng anh S vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện anh S không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, có căn cứ xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị U và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị U đối với anh S.

[4] Về con chung: Chị U xác định chị và anh S có 03 con chung tên Lê Thảo Ni, sinh ngày 16/5/2009; Lê Thanh Nguyễn, sinh ngày 26/7/2011 và Lê Thế Nguyễn, sinh ngày 30/4/2018; các con hiện do chị U nuôi dưỡng, chị U yêu cầu tiếp tục nuôi.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 11/3/2024, cháu Lê Thảo Ni và cháu Lê Thanh Nguyễn xác định có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị U. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Ni, cháu Lê Thanh Nguyễn và cháu Lê Thế Nguyễn hiện do chị U nuôi dưỡng, các cháu hiện còn nhỏ nên cần được sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ nên cần giữ nguyên để đảm bảo việc phát triển bình thường của các cháu. Do đó, tiếp tục giao cháu Lê Thảo Ni, cháu Lê Thanh Nguyễn và cháu Lê Thế Nguyễn cho chị U tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị U không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị U xác định chị và anh S không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị U phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị U đối với anh Lê Thanh S

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thảo Ni, sinh ngày 16/5/2009; Lê Thanh Nguyễn, sinh ngày 26/7/2011 và Lê Thế Nguyễn, sinh ngày 30/4/2018 cho chị Nguyễn Thị U tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị U không yêu cầu anh Lê Thanh S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Anh Lê Thanh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị Nguyễn Thị U phải chịu, chị U đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010015 ngày 04/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Thị U và anh Lê Thanh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã LĐ;
- Lưu hồ sơ.

•

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ni